

Số: 8457 /BGTVT-ĐTCT

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2021

V/v triển khai dự án đường vành đai  
4 thành phố Hồ Chí Minh.

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ tại các Thông báo số 92/TB-VPCP ngày 03/5/2021, số 122/TB-VPCP ngày 25/5/2021, số 149/TB-VPCP ngày 04/6/2021, số 180/TB-VPCP ngày 09/7/2021, Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) đã có Văn bản số 7928/BGTVT-ĐTCT ngày 04/8/2021 về việc giao các địa phương làm cơ quan có thẩm quyền triển khai Dự án đường vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh và Văn phòng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 5393/VPCP-CN ngày 06/8/2021 lấy ý kiến về việc giao cho các địa phương làm cơ quan có thẩm quyền triển khai Dự án đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đường vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh nằm trong danh mục dự án quan trọng quốc gia và ưu tiên đầu tư, hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2030 theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Bộ GTVT trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 7066/TTr-BGTVT ngày 20/7/2021). Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý nghiên cứu đầu tư xây dựng đường vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh theo phương thức đối tác công tư trong giai đoạn 2021 - 2025; khai thác quỹ đất của các địa phương có tuyến đường đi qua để tạo nguồn lực bổ sung cho ngân sách nhà nước (Thông báo số 92/TB-VPCP ngày 03/5/2021, số 122/TB-VPCP ngày 25/5/2021, số 149/TB-VPCP ngày 04/6/2021).

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, Bộ GTVT đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố:

1. Khẩn trương thực hiện các nội dung yêu cầu tại Văn bản số 5393/VPCP-CN ngày 06/8/2021 của Văn phòng Chính phủ.

2. Chủ động, khẩn trương thực hiện các thủ tục liên quan để sớm triển khai nghiên cứu, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án thành phần của đường vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo khi sắp xếp được nguồn vốn thì tiến hành thủ tục triển khai ngay.

3. Khẩn trương nghiên cứu thực hiện một số công việc như sau:

- Sắp xếp nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để

triển khai dự án;

- Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định;
- Xác định tìm tuyến đường vành đai 4 và các nút giao kết nối theo quy hoạch, giải pháp khai thác quỹ đất;
- Rà soát, xác định quy mô đường vành đai 4 (giai đoạn phân kỳ đầu tư), đường gom (đường song hành), các chi tiết kỹ thuật có liên quan để phát huy hiệu quả đường vành đai 4;
- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch và triển khai các dự án công nghiệp, thương mại, đô thị, dân cư hai bên đường để khai thác có hiệu quả đường vành đai 4 và tạo nguồn lực bổ sung cho ngân sách nhà nước;
- Chủ động hình thành bộ máy điều hành, quản lý dự án.

4. Tham khảo một số nội dung liên quan đến trình tự triển khai các dự án thành phần trong quá trình thực hiện (có phụ lục kèm theo văn bản này). LuatVietnam

5. Bộ GTVT giao Ban QLDA Mỹ Thuận tiếp tục phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ tối đa các cơ quan của địa phương trong quá trình triển khai.

Bộ GTVT đề nghị UBND thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu quan tâm, phối hợp hoàn thiện các thủ tục để đảm bảo tiến độ triển khai đầu tư các dự án./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Đình Thọ;
- Thứ trưởng Lê Anh Tuấn;
- Sở GTVT Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu: VT, ĐTCT.

**BỘ TRƯỞNG**



*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Văn Thể**



## PHỤ LỤC

**Một số nội dung pháp lý liên quan đến trình tự triển khai các dự án thành phần của Dự án đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh**  
(Kèm theo Văn bản số 8457 /BGTVT-ĐTCT ngày 17 /8/2021)

### 1. Căn cứ thực hiện

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Luật Xây dựng số 50/2014/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Quyết định số 1698/QĐ-TTg ngày 28/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường Vành đai 4 - thành phố Hồ Chí Minh;

Các văn bản khác có liên quan.

### 2. Quy trình dự án PPP theo quy định tại Điều 11 Luật PPP

- Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án;

- Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án;

- Lựa chọn nhà đầu tư;

- Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP;

- Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.

### 3. Nội dung trình tự triển khai

3.1. Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên hoặc các tiêu chí khác quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật PPP):

TT	Trình tự thủ tục	Cơ quan thực hiện/ Thẩm quyền
1	Giao cơ quan có thẩm quyền <sup>1</sup>	

<sup>1</sup> Bộ GTVT đã có văn bản số 7928/BGTVT-ĐTCT gửi Thủ tướng Chính phủ về việc giao cho các địa phương làm cơ quan có thẩm quyền triển khai Dự án đường vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh.

1.1	UBND các tỉnh, thành phố xin ý kiến tỉnh/ thành ủy và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh/ thành phố xem xét, đồng thuận về việc đề xuất Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cơ quan có thẩm quyền cho địa phương	UBND các tỉnh, thành phố
	<p>Trường hợp dự án PPP trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, UBND tỉnh, thành phố nghiên cứu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP :</p> <p>a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có dự án báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, đồng thuận về việc đề xuất thực hiện dự án, bao gồm nội dung về tên dự án, quy mô, địa điểm, loại hợp đồng dự án PPP, sơ bộ tổng mức đầu tư, vốn đầu tư của Nhà nước trong dự án PPP và phân chia trách nhiệm chi trả từ nguồn ngân sách của từng địa phương. Căn cứ văn bản đồng thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất với bộ quản lý ngành về việc giao một địa phương làm cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>b) Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản này tổ chức chuẩn bị dự án, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đồng thời chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật PPP và tên cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật PPP;</p> <p>c) Trường hợp kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh thống nhất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc phân chia thành các dự án thành phần bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm để từng địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</p>	UBND các tỉnh, thành phố
1.2	UBND tỉnh, thành phố có dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cơ quan có thẩm quyền	UBND các tỉnh, thành phố
1.3	Quyết định giao nhiệm vụ cơ quan có thẩm quyền cho địa phương	Thủ tướng Chính phủ
2	<i>Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư</i>	
2.1	Cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan	Cơ quan có thẩm quyền
	Các cơ quan của địa phương rà soát quy hoạch liên quan; đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.	Các cơ quan được giao nhiệm vụ
	UBND các tỉnh, thành phố báo cáo và xin ý kiến tỉnh/ thành ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh/ thành phố về các nội dung liên quan của dự án	UBND các tỉnh, thành phố

2.2	Cơ quan có thẩm quyền trình Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan có thẩm quyền
2.3	Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước	Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Thủ tướng Chính phủ
2.4	Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Trường hợp dự án có sử dụng vốn đầu tư công, việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư công	Hội đồng thẩm định nhà nước
2.5	Chính phủ hoàn chỉnh hồ sơ trình Quốc hội xem xét, quyết định	Chính phủ/ Quốc hội
2.6	Cơ quan của Quốc hội thẩm tra hồ sơ do Chính phủ trình	Ủy ban của Quốc hội
2.7	Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án	Quốc hội
3	<i>Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án</i> <i>(Thực hiện theo quy định từ Điều 19 đến Điều 27 Luật PPP và từ Điều 24 đến Điều 28 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)</i>	
	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Đơn vị được Cơ quan có thẩm quyền lựa chọn
	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	Hội đồng thẩm định nhà nước
	Phê duyệt dự án	Thủ tướng Chính phủ
4	<i>Lựa chọn nhà đầu tư</i> <i>(Thực hiện theo quy định từ Điều 28 đến Điều 43 Luật PPP và từ Điều 29 đến Điều 75 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)</i>	Cơ quan có thẩm quyền
5	<i>Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP</i> <i>(Thực hiện theo quy định từ Điều 44 đến Điều 55 Luật PPP)</i>	Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án và Cơ quan có thẩm quyền
6	<i>Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP</i> <i>(Thực hiện theo quy định từ Điều 56 đến Điều 68 Luật PPP và từ Điều 76 đến Điều 82 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)</i>	Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án và Cơ quan có thẩm quyền

3.2. Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (sử dụng vốn ngân sách trung ương do Bộ, cơ quan trung ương quản lý, có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc các tiêu chí khác quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật PPP):

TT	Trình tự thủ tục	Thẩm quyền/ Cơ quan thực hiện
1	Giao cơ quan có thẩm quyền	
1.1	UBND các tỉnh, thành phố xin ý kiến tỉnh/ thành ủy và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh/ thành phố xem xét, đồng thuận về việc đề xuất Thủ tướng	UBND các tỉnh, thành phố

	Chính phủ giao nhiệm vụ cơ quan có thẩm quyền cho địa phương	
	<p>Trường hợp dự án PPP trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, UBND tỉnh, thành phố nghiên cứu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP :</p> <p>a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có dự án báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, đồng thuận về việc đề xuất thực hiện dự án, bao gồm nội dung về tên dự án, quy mô, địa điểm, loại hợp đồng dự án PPP, sơ bộ tổng mức đầu tư, vốn đầu tư của Nhà nước trong dự án PPP và phân chia trách nhiệm chi trả từ nguồn ngân sách của từng địa phương. Căn cứ văn bản đồng thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất với bộ quản lý ngành về việc giao một địa phương làm cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>b) Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản này tổ chức chuẩn bị dự án, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đồng thời chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật PPP và tên cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật PPP;</p> <p>c) Trường hợp kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh thống nhất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc phân chia thành các dự án thành phần bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm để từng địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</p>	UBND các tỉnh, thành phố
1.2	UBND tỉnh, thành phố có dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cơ quan có thẩm quyền	UBND các tỉnh, thành phố
1.3	Quyết định giao nhiệm vụ cơ quan có thẩm quyền cho địa phương	Thủ tướng Chính phủ
2	<i>Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư</i>	
2.1	Cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan	Cơ quan có thẩm quyền
	Các cơ quan của địa phương rà soát quy hoạch liên quan; đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.	Các cơ quan được giao nhiệm vụ
	UBND các tỉnh, thành phố báo cáo và xin ý kiến tỉnh/ thành ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh/ thành phố về các nội dung liên quan của dự án	UBND các tỉnh, thành phố

	Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đơn vị chuẩn bị dự án PPP
2.2	Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành	Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Thủ tướng Chính phủ
2.3	Hội đồng thẩm định liên ngành thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Hội đồng thẩm định liên ngành
2.4	Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với phần vốn ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong trường hợp dự án PPP sử dụng vốn ngân sách trung ương, gửi Hội đồng thẩm định liên ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Hội đồng thẩm định liên ngành
2.5	Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tại địa phương chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với phần vốn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong trường hợp dự án PPP sử dụng vốn ngân sách địa phương, gửi Hội đồng thẩm định liên ngành	Cơ quan của địa phương/ Hội đồng thẩm định liên ngành
2.6	Hội đồng thẩm định liên ngành hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan có thẩm quyền	Hội đồng thẩm định liên ngành
2.7	Cơ quan có thẩm quyền hoàn chỉnh hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định	Cơ quan có thẩm quyền
2.8	Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án	Thủ tướng Chính phủ
3	<i>Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án</i> <i>(Thực hiện theo quy định từ Điều 19 đến Điều 27 Luật PPP và từ Điều 24 đến Điều 28 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)</i>	
	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Đơn vị được Cơ quan có thẩm quyền lựa chọn
	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	Hội đồng thẩm định liên ngành
	Phê duyệt dự án	Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố
4	<i>Lựa chọn nhà đầu tư</i> <i>(Thực hiện theo quy định từ Điều 28 đến Điều 43 Luật PPP và từ Điều 29 đến Điều 75 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)</i>	<i>Cơ quan có thẩm quyền</i>
5	<i>Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP</i> <i>(Thực hiện theo quy định từ Điều 44 đến Điều 55 Luật PPP)</i>	<i>Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án và Cơ quan có thẩm quyền</i>
6	<i>Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP</i> <i>(Thực hiện theo quy định từ Điều 56 đến Điều 68 Luật PPP và từ Điều 76 đến Điều 82 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)</i>	<i>Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án và Cơ quan có thẩm quyền</i>

3.3. Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (quy định tại khoản 4 Điều 12 Luật PPP):

<i>TT</i>	<i>Trình tự thủ tục</i>	<i>Thẩm quyền/ Cơ quan thực hiện</i>
<i>1</i>	<i>Giao cơ quan có thẩm quyền</i>	
1.1	UBND các tỉnh, thành phố xin ý kiến tỉnh/ thành ủy và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh/ thành phố xem xét, đồng thuận về việc đề xuất Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cơ quan có thẩm quyền cho địa phương	UBND các tỉnh, thành phố
	Trường hợp dự án PPP trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, UBND tỉnh, thành phố nghiên cứu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP	UBND các tỉnh, thành phố
1.2	UBND tỉnh, thành phố có dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cơ quan có thẩm quyền	UBND các tỉnh, thành phố
1.3	Quyết định giao nhiệm vụ cơ quan có thẩm quyền cho địa phương	Thủ tướng Chính phủ
<i>2</i>	<i>Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư</i>	
2.1	Cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan	Cơ quan có thẩm quyền
	Các cơ quan của địa phương rà soát quy hoạch liên quan; đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Các cơ quan được giao nhiệm vụ
	UBND các tỉnh, thành phố báo cáo và xin ý kiến tỉnh/ thành ủy về các nội dung liên quan của dự án	UBND các tỉnh, thành phố
	Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đơn vị chuẩn bị dự án PPP/ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.2	Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Hội đồng thẩm định cấp cơ sở
2.3	Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tại địa phương chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong trường hợp dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công, gửi Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định	Cơ quan chuyên môn của tỉnh/ Hội đồng thẩm định cấp cơ sở
2.4	Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP	Hội đồng thẩm định cấp cơ sở
2.5	Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ làm cơ sở đề Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định	Đơn vị chuẩn bị dự án PPP/ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố



2.6	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
3	<i>Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án</i> (Thực hiện theo quy định từ Điều 19 đến Điều 27 Luật PPP và từ Điều 24 đến Điều 28 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)	
	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Đơn vị được Cơ quan có thẩm quyền lựa chọn
	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	Hội đồng thẩm định cơ sở
	Phê duyệt dự án	Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố
4	<i>Lựa chọn nhà đầu tư</i> (Thực hiện theo quy định từ Điều 28 đến Điều 43 Luật PPP và từ Điều 29 đến Điều 75 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)	<i>Cơ quan có thẩm quyền</i>
5	<i>Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP</i> (Thực hiện theo quy định từ Điều 44 đến Điều 55 Luật PPP)	<i>Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án và Cơ quan có thẩm quyền</i>
6	<i>Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP</i> (Thực hiện theo quy định từ Điều 56 đến Điều 68 Luật PPP và từ Điều 76 đến Điều 82 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)	<i>Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án và Cơ quan có thẩm quyền</i>